

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG T
TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số 52/2021/HS-ST
Ngày 28/05/2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG T- TỈNH LAI CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Lò Thị Chiến

Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Ngọc Sáng

Bà Lý Thị The

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn, thư ký Tòa án - Toà án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T tham gia phiên toà: Ông Bùi Tổng Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2021/TLST-HS, ngày 07/04/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HS ngày 14/05/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lò Thị P ;Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ;

Sinh năm 1980, tại: xã Mường L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên;

Nơi cư trú: bản Pá V 1, xã Mường L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Không;

Con ông: Lò Văn T (Đã chết) và con bà: Lò Thị B (Đã chết);

Bị cáo có 07 anh, chị, em bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Bị cáo có 02 chồng: Chồng thứ nhất: Lò Văn Th (Đã chết); Chồng thứ hai: Lò Văn N (Đã chết); Bị cáo có 02 con; con lớn nhất sinh năm 1994; con nhỏ nhất sinh năm 1996; Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 01/4/2008, Lò Thị P bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Đến ngày 09/11/2009, Lò Thị P bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên xét xử về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt 30 tháng

tù, cộng với 24 tháng tù của bản án số 07/2008/HSST ngày 01/4/2008. Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 54 tháng tù. Tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 01/8/2020 đến ngày 06/8/2020, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 07/8/2020 đến nay. Hiện nay bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

2. Họ và tên: Quàng Văn Đ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh năm 1973, tại xã Chiềng L, huyện Mường L, tỉnh Sơn La;

Nơi cư trú: bản M, xã Chiềng L, huyện Mường L, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 6/12;

Con ông: Quàng Văn O (Đã chết) và con bà: Quàng Thị Ph (Đã chết);

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Bị cáo có vợ: Quàng Thị S, sinh năm 1975; trú tại: bản M, xã Chiềng L, huyện Mường L, tỉnh Sơn La; Bị cáo có 04 con; con lớn nhất sinh năm 1990; con nhỏ nhất sinh năm 2000;

Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ kể ngày 07/8/2020 cho đến nay. Hiện nay bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

*Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990. Địa chỉ: Kh 17, Thị trấn Phong Th, huyện Phong Th, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

-Anh Đèo Văn D, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản Nậm C, xã Khoang Th, huyện Phong Th, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

-Chị Tòng Thị B, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản M, xã Chuyền S, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

-Chị Quàng Thị Y, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản Công B, xã Hẹ M, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

-Anh Tống Văn S, sinh năm 1968. Địa chỉ: Bản Pắc M, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

-Chị Phì Thị Ch, sinh năm 1972. Địa chỉ: Bản Pắc M, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 10/2019, Lò Thị P, sinh năm 1980, trú tại: bản Pá V 1, xã Mường L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện B và Quàng Văn Đ, sinh năm 1973, trú tại: Bản M, xã Chiềng L, huyện Mường L, tỉnh Sơn L cùng nhau thuê 01 căn nhà gỗ của vợ chồng ông Tống Văn S, sinh năm 1968 và bà Phìn Thị Ch, sinh năm 1972, tại bản Pắc M, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu để kinh doanh quán ăn đêm và nước giải khát. Trong quá trình kinh doanh, do có nhiều người hỏi mua dâm nên P và Đ đã nảy sinh ý định tuyển gái bán dâm để thu lợi bất chính từ hoạt động chứa mại dâm. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 6/2020 đến ngày 31/7/2021, Tòng Thị B, sinh năm 1994, trú tại: bản M, xã Chiềng S, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên; Quàng Thị Y, sinh năm 1994, trú tại: bản Công B, xã Hẹ M, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên; Quàng Thị Đ và 01 người phụ nữ tên Mai đến xin làm gái bán dâm và được P, Đ đồng ý. Sau đó P và Đ thống nhất cho Đ, M, B, Y làm gái bán dâm tại quán của P và Đ theo hình thức “tàu nhanh” (*tức là quan hệ tình dục một lần*) và “qua đêm” (*tức là: quan hệ tình dục qua đêm và không tính số lần quan hệ tình dục*). Đối với hình thức “tàu nhanh”, P và Đ thu của khách 350.000 đồng, trích lại cho gái bán dâm 150.000 đồng, số tiền còn lại thì P và Đ cùng hưởng. Đối với hình thức “qua đêm”, P và Đ thu của khách từ khoảng 400.000 đồng đến 700.000 đồng tùy theo thời gian sớm hay muộn, trích lại cho gái bán dâm một nửa số tiền thu được, số tiền còn lại thì P và Đ cùng hưởng. P và Đ bàn bạc, thống nhất với nhau khi nào khách đến mua dâm, P và Đ sẽ cung cấp bao cao su và bố trí phòng cho gái bán dâm và khách mua dâm. P là người trực tiếp quản lý tiền thu được từ việc chứa mại dâm, nếu Đ trực tiếp thu tiền thì phải đưa lại cho P, nếu P trực tiếp thu tiền thì sẽ thông báo lại cho Đ biết; do P không biết chữ nên trường hợp khách mua dâm nợ thì Đ có trách nhiệm ghi chép thông tin vào trong 01 quyển sổ để theo dõi, quản lý việc mua bán dâm.

Đến khoảng 20 giờ, ngày 31/7/2020, Đèo Văn D, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990, đều tạm trú tại bản Pắc M, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu đến quán của P và Đ để uống nước. Khi đó, P hỏi D và Q “*Có đi gái không?*”, D và Q đồng ý. Qua trao đổi, hai bên thống nhất giá mỗi lần mua dâm là 350.000 đồng, rồi D đưa cho P 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, Q đưa cho P 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Sau đó P đưa D và Q đi xuống hai phòng phía sau quán để mua bán dâm. Khi đến nơi, P đưa cho Y và B mỗi người một chiếc bao cao su, rồi bố trí 01 phòng cho D mua dâm Y và 01 phòng cho Q mua dâm B. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi Q đang quan hệ tình dục với B, còn D đang quan hệ tình dục với Y thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lai Châu phát hiện bắt quả tang hai đôi đang có hành vi mua bán dâm. Trước sự việc này, tổ công tác đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và thu giữ toàn bộ vật chứng gồm: 01 vỏ bao cao su màu vàng, xanh, đã bị bóc xé và 01 ruột bao cao su đã qua sử dụng thu giữ tại nơi Q và B đang mua bán dâm; 01 vỏ bao cao su nhãn

hiệu Sure màu vàng, xanh đã bị bóc xé và 01 bao cao su đã qua sử dụng thu giữ tại nơi D và Y đang mua bán dâm. Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ thêm các vật chứng do P tự giao nộp gồm: Số tiền 700.000 đồng là tiền P thu của D và Q; 1.900.000 đồng là tiền P thu của khách đến mua dâm trước đó; 10.100.000 đồng là tiền hàng hóa, không liên quan đến việc mua bán dâm; 14 vỏ hộp bao cao su nhãn hiệu Sure; 22 chiếc bao cao su nhãn hiệu Sure chưa qua sử dụng (P và Đ chuẩn bị trước để đưa cho nhân viên nữ bán dâm khi có khách đến mua dâm); 01 quyển sổ của Đ và P dùng để ghi chép, theo dõi việc khách nợ tiền mua bán dâm. Ngoài ra quá trình điều tra còn xác định được trong khoảng thời gian từ đầu tháng 6/2020 đến thời điểm trước khi bị bắt ngày 31/7/2020, P và Đ đã 53 lần sử dụng địa điểm nêu trên và chuẩn bị bao cao su cho B, Y, Đ, M bán dâm cho khách; Đ và P thu lợi bất chính từ 53 lần chứa mại với tổng số tiền là 21.550.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 210/KLGD-TL ngày 26/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Số tiền 2.600.000 đồng gửi đến giám định đều là tiền thật.

Cáo trạng số 18/CTVKS-MT ngày 06/04/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo Lò Thị P và Quàng Văn Đ về tội “*Chứa mại dâm*” theo điểm c điểm d khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa hôm nay giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố các bị cáo Lò Thị P và Quàng Văn Đ phạm tội “Chứa mại dâm”. Đề nghị áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, Đề nghị xử phạt các bị cáo: Lò Thị P từ 06 năm 02 tháng tù đến 06 năm 08 tháng tù; Quàng Văn Đ từ 06 năm tù đến 06 năm 06 tháng tù;

Không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với các bị cáo do hoàn cảnh bị cáo khó khăn, không có điều kiện thi hành án, theo quy định tại khoản 5 Điều 327 BLHS; Về Xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ bao cao su màu vàng xanh, đã bị bóc xé; 02 bao cao su đã qua sử dụng (01 bao cao su đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn Q và Tòng Thị B, 01 bao cao su đã qua sử dụng thu giữ của Đèo Văn D và Quàng Thị Y); 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu SURE màu vàng xanh đã bị xé rách; 14 vỏ hộp bao cao su nhãn hiệu SURE và 22 bao cao su có vỏ màu vàng, có dòng chữ SURE (chưa qua sử dụng) do P giao nộp; 01 quyển sổ ghi chép tiền nợ của khách hàng mua dâm của Lò Thị P và Quàng Văn Đ đã được lưu vào hồ sơ vụ án để làm chứng cứ do vậy không thể xử lý quyển sổ; Tịch sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.600.000 đồng thu giữ của Lò Thị P do phạm tội mà có; Tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphon màu trắng có gắn thẻ sim của Lò Thị P dùng để liên lạc với khách mua dâm. Trả lại 01 chứng minh nhân dân mang tên Lò Thị P cho bị cáo Lò Thị P. Truy thu đối với số tiền mà các bị cáo Lò

Thị P và Quảng Văn Đ thu lợi bất chính, được hưởng trong tổng số tiền 19.650.000 đồng (Người bán dâm được hưởng số tiền là 9.8205.000 đồng. Người chứa mại dâm được hưởng số tiền là 9.825.000 đồng). Truy thu các bị cáo Lò Thị P 4.912.500 đồng và Quảng Văn Đ 4.912.500 đồng.

Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường T.Trả 10.100.000 đồng cho Lò Thị P và Quảng Văn Đ đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Lò Thị P và Quảng Văn Đ, không liên quan đến vụ án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Thị P, theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án. Do bị cáo không có thu nhập gì, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình Lò Thị P là hộ nghèo. Bị cáo Quảng Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với Tòng Thị B, Quảng Thị Y, Đèo Văn D và Nguyễn Văn Q là những người thực hiện hành vi mua, bán dâm, đây là hành vi vi phạm hành chính về phòng chống tệ nạn xã hội, nên cơ quan Công an huyện Mường T, tỉnh Lai Châu đã xử phạt vi phạm hành chính đối với B, Y, D và Q là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Đối với ông Tống Văn S và bà Phìn Thị Ch, quá trình điều tra xác định ông S và bà Ch không biết việc các bị cáo thuê nhà để chứa mại dâm nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này.

Đối với Quảng Thị Đ và người phụ nữ tên M: Quá trình điều tra không xác định được lai lịch nên không có cơ sở xem xét xử lý.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Nhất trí nội dung Luận tội. Lời nói sau cùng của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, phạm tội Chứa mại dâm. Bị cáo Lò Thị P và bị cáo Quảng Văn Đ xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T, Kiểm sát viên. Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan Điều tra. Đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Lò Thị P và Quảng Văn Đ mục đích thu lợi bất chính việc chứa gái mại dâm, trong khoảng thời gian từ đầu tháng 6/2020 đến ngày 31/7/2020, tại 01 căn

nhà thuê Lò Thị P và Quàng Văn Đ tạm trú ở bản Pắc M, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu, các bị cáo P và Đ thống nhất với nhau khi nào có khách đến mua dâm thì sẽ bố trí phòng ở và bao cao su bằng hình thức như tàu nhanh là quan hệ tình dục một lần với số tiền 350.000 đồng, trích lại cho gái bán dâm 150.000 đồng, số còn lại là của P và Đ. Đối với hình thức qua đêm P và Đ thu của khách hàng từ 400.000 đồng đến 700.000 đồng, trích cho gái bán dâm một nửa. Hành vi chứa mại dâm của các bị cáo đã 54 lần bố trí phòng ở và bao cao su cho 04 người thực hiện hành vi bán dâm và thu lợi bất chính tổng số tiền 22.250.000 đồng. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 6/2020 đến thời điểm trước khi bị bắt ngày 31/7/2020, P và Đ đã 53 lần sử dụng địa điểm nêu trên và chuẩn bị bao cao su cho 04 người gồm: Quàng Thị Y, Tòng Thị B, Quàng Thị Đ và người phụ nữ tên M thực hiện hành vi bán dâm và thu lợi bất chính 21.550.000 đồng.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi Quân đang quan hệ tình dục với B; còn D đang quan hệ tình dục với Y thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lai Châu phát hiện bắt quả tang hai đôi đang có hành vi mua bán dâm, tổ công tác đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính, vật chứng thu giữ 01 vỏ bao cao su màu vàng, xanh, đã bị bóc xé; 01 ruột bao cao su đã qua sử dụng thu giữ tại nơi Q và B đang mua bán dâm; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Sure màu vàng, xanh đã bị bóc xé; 01 bao cao su đã qua sử dụng thu giữ tại nơi D và Y đang mua bán dâm; 700.000 đồng là tiền P thu của D và Q; 1.900.000 đồng là tiền P thu của khách đến mua dâm trước đó; 10.100.000 đồng là tiền hàng hóa; 14 vỏ hộp bao cao su nhãn hiệu Sure; 22 chiếc bao cao su nhãn hiệu Sure chưa qua sử dụng và 01 quyển sổ ghi chép tiền nợ của khách mua dâm;

Như vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” theo điểm c điểm d khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự. Tại điều luật qui định:

“1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: ...

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Chứa mại dâm 04 người trở lên; ...”

Các bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T đã truy tố các bị cáo Lò Thị P và Quàng Văn Đ theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng hành vi của các bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, các bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân các bị cáo bất chấp pháp luật.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cần phải xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Xét về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền sự; tiền án. Đối với bị cáo Quảng Văn Đ sinh sống làm ăn ở bản M, xã Chiềng L, huyện Mường L, tỉnh Sơn La, lên bản Pắc M, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu làm công nhân thủy điện.

Đối với bị cáo P ngày 01/4/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), bị xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Ngày 09/11/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên xét xử về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), bị xử phạt 30 tháng tù. Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 54 tháng tù. Tính đến thời điểm phạm tội mới ngày 01/8/2020 bị cáo đã được xóa án tích, bị cáo P có nhân thân xấu, sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương bị cáo đi làm ăn tại bản Pắc M, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu nhưng bị cáo không tự rèn luyện cải tạo, ăn năn, hối cải để làm ăn lương thiện trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, nhưng bị cáo vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật về hành vi chứa mại dâm. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình. Người thân bị cáo P là ông Lò Văn Tr được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba năm 2001, gia đình bị cáo P là hộ nghèo. Đối với bị cáo Quảng Văn Đ người thân bị cáo là ông Quảng Văn O được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba năm 2005. Bị cáo Đ trình độ học vấn thấp học lớp 6/12; bị cáo P không biết chữ, HĐXX căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo đồng phạm đơn giản, Đối với bị cáo Pun là chủ mưu lợi dụng chị Quảng Thị Y và chị Tòng Thị B để thực hiện việc chứa mại dâm để kiếm tiền, đối với bị cáo Đ là người giúp sức ghi sổ sách tiền nợ của khách hàng mua dâm. HĐXX căn cứ áp dụng Điều 17, Điều 58 BLHS.

[5] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với các bị cáo do hoàn cảnh bị cáo khó khăn, không có điều kiện thi hành án, theo quy định tại khoản 5 Điều 327 BLHS;

[6] Về xử lý vật chứng:

-Tích thu tiêu hủy: 01 vỏ bao cao su màu vàng xanh, đã bị bóc xé;

02 bao cao su đã qua sử dụng (01 bao cao su đã qua sử dụng thu giữ của Quân và Buôn,

01 bao cao su đã qua sử dụng thu giữ của Dũng và Yêu);

01 vỏ bao cao su nhãn hiệu SURE màu vàng xanh đã bị xé rách;

14 vỏ hộp bao cao su nhãn hiệu SURE;

22 bao cao su có vỏ màu vàng, có dòng chữ SURE (chưa qua sử dụng) do Pun giao nộp.

-Tịch sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.600.000 đồng thu giữ của Lò Thị P do phạm tội mà có (P giao nộp 700.000 đồng là tiền thu của D và Q mua dâm và 1.900.000 đồng là tiền P thu của khách đến mua dâm trước đó)

-Tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphon màu trắng có gắn thẻ sim của P dùng để liên lạc với khách mua dâm.

-Trả lại 01 chứng minh nhân dân mang tên Lò Thị P cho bị cáo Lò Thị P. Số tiền (22.250.000 đồng - 2.600.000 đồng = 19.650.000 đồng) sau khi bán dâm cho khách được hưởng: (Người bán dâm được hưởng số tiền là 9.825.000 đồng. Còn người chứa mại dâm được hưởng số tiền là 9.825.000 đồng), số tiền thu lợi bất chính các bị cáo Lò Thị P và Quảng Văn Đ là 9.825.000 đồng. HĐXX nhất trí cần phải truy thu mỗi bị cáo là 4.912.500 đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về việc không xử lý 01 quyển sổ ghi chép tiền nợ khách hàng mua dâm của Lò Thị P và Quảng Văn Đ. HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, quyển sổ ghi chép đó là tài liệu vật chứng vụ án do đó không xử lý mà được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

-Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường T.Trả 10.100.000 đồng cho Lò Thị Pun và Quảng Văn Đ đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Lò Thị P và Quảng Văn Đ, không liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử áp dụng theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Thị P, theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án. Do bị cáo không có thu nhập gì, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình Lò Thị P là hộ nghèo.

Bị cáo Quảng Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng theo điểm c, d khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Lò Thị P và Quàng Văn Đ phạm tội “Chứa mại dâm”.

- Xử phạt bị cáo Lò Thị P 06 (Sáu) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 01/8/2020.

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn Đ 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 07/8/2020.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ bao cao su màu vàng xanh, đã bị bóc xé; 02 bao cao su đã qua sử dụng (01 bao cao su đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn Q và Tòng Thị B, 01 bao cao su đã qua sử dụng thu giữ của Đèo Văn D và Quàng Thị Y); 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu SURE màu vàng xanh đã bị xé rách; 14 vỏ hộp bao cao su nhãn hiệu SURE và 22 bao cao su có vỏ màu vàng, có dòng chữ SURE (chưa qua sử dụng).

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.600.000 đồng thu giữ của Lò Thị P;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng có gắn thẻ sim của Lò Thị P.

- Trả 01 chứng minh nhân dân mang tên Lò Thị P cho bị cáo Lò Thị P

Hiện vật chứng vụ án đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mường T, tỉnh Lai Châu.

Truy thu đối với số tiền 9.825.000 đồng do thu lợi bất chính của các bị cáo Lò Thị P và Quàng Văn Đ. Mỗi bị cáo phải nộp là 4.912.500 đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

3. Về án phí:

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Thị P.

- Bị cáo Quàng Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt các bị cáo. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xem xét theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu
- VKSND tỉnh Lai Châu
- CA huyện Mường T - THAHS huyện Mường T
- VKSND huyện Mường T
- THADS huyện Mường T
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu
- Các Bị cáo
- Lưu hồ sơ.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
Đã ký
Lò Thị Chiến

